

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển thương mại - dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 25/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch về phát triển thương mại - dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, định hướng của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển thương mại - dịch vụ, gắn với thực hiện có hiệu quả các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí của thương mại - dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, bền vững, có sức cạnh tranh, gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế số, kinh tế đêm, logistics và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai Kế hoạch phải được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; gắn với các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, đề án, kết luận của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến phát triển thương mại - dịch vụ.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xác định phát triển thương mại - dịch vụ là nhiệm vụ quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động cụ thể hóa Kế hoạch thành

chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm chủ trì, phối hợp, lộ trình thực hiện; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

II. CHỈ TIÊU

Phân đầu đến năm 2030 đạt một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực dịch vụ thời kỳ 2026 - 2030 đạt 11% - 12%/năm. Tỷ trọng của khu vực dịch vụ chiếm khoảng 31-32% GRDP của tỉnh.

- Đón khoảng 10 triệu lượt khách (khách quốc tế 550 ngàn lượt); tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 15%/năm; doanh thu đạt khoảng 7.400 tỷ đồng. Đóng góp của du lịch vào GRDP bình quân khoảng 5%. Ngày lưu trú bình quân đạt 03 ngày. Thu hút đầu tư ít nhất 05 dự án đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao.

- Đảm bảo 100% cấp xã, phường, đặc khu có quy hoạch quỹ đất và được đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thể thao cơ bản. Tăng tỷ lệ người dân tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

Hình thành, phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá trên địa bàn tỉnh, phân đầu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP của tỉnh. Phân đầu hằng năm, có ít nhất 02 sự kiện mang tầm khu vực, quốc gia về văn hóa, nghệ thuật tại tỉnh Quảng Ngãi; có ít nhất 01 sự kiện về văn hóa, du lịch nghệ thuật ở nước ngoài có sự tham gia chính thức của tỉnh Quảng Ngãi.

- Có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân, trong đó: Giường bệnh công lập là 33,57 giường và thu hút lĩnh vực tư nhân là 3,94 giường. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 97,1% dân số. Thu hút đầu tư khoảng 09 bệnh viện tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- Có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Số trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non tư thục đạt 40%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 tăng khoảng 10,5%/năm. Kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2026 - 2030 tăng khoảng 9%/năm. Kim ngạch nhập khẩu bình quân giai đoạn 2026 - 2030 tăng khoảng 13%/năm.

- Doanh thu trao đổi qua thương mại điện tử (*tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến*) chiếm từ 10,5% trở lên trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh; tăng bình quân khoảng 12%/năm.

- Nghiên cứu phát triển không gian kinh tế đêm, tuyến phố đêm có bản sắc địa

phương tại các khu vực trung tâm, trọng điểm văn hóa, chính trị, du lịch của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về phát triển thương mại - dịch vụ

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, quán triệt nhằm đổi mới mạnh mẽ tư duy, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, vị trí của thương mại - dịch vụ trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xem nhiệm vụ phát triển thương mại - dịch vụ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Kịp thời phổ biến chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh đến Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nhằm huy động tối đa các nguồn lực, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển thương mại - dịch vụ nhanh, bền vững, đồng bộ, hiện đại, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Thay đổi tư duy trong quản lý để thích ứng với yêu cầu phát triển xã hội, khoa học, công nghệ... Từng bước xây dựng văn hóa ứng xử văn minh trong kinh doanh dịch vụ nhằm xây dựng, quảng bá và bảo vệ hình ảnh, môi trường phát triển của tỉnh Quảng Ngãi.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền.

** Chỉ đạo thực hiện:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

** Cơ quan tham mưu, thực hiện:* Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

** Thời gian thực hiện:* Thường xuyên.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ về phát triển thương mại - dịch vụ; đẩy mạnh huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng và các dịch vụ; đổi mới, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ

2.1. Dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch

- Tập trung xây dựng, triển khai các phương án, định hướng phát triển trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở tổ chức, phân bổ không gian phát triển du lịch theo hướng tập trung nguồn lực xây dựng các khu vực động lực phát triển du lịch; các công trình xây dựng thực hiện theo đúng quy hoạch, thiết kế phù hợp với không gian, cảnh quan; quy hoạch, bố trí quỹ đất hợp lý để phục vụ phát triển du lịch.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch nhưng có dấu ấn riêng gắn liền với văn hóa địa phương như: Du lịch sinh thái biển, đảo làm chủ đạo; khai thác tiềm năng, lợi thế hệ sinh thái vùng phía Tây của tỉnh để phát triển du lịch gắn với các di tích lịch sử, văn hóa và các điểm du lịch cộng đồng; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch nông nghiệp gắn với sản phẩm OCOP; du lịch gắn với hội nghị, sự kiện thể thao (thể thao biển (lướt sóng, chèo thuyền kayak, dù lượn), thể thao mạo hiểm và thể thao điện tử (E-sports)); du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh. Phát triển các loại hình dịch vụ, kinh tế đêm và tuyến phố đi bộ/thương mại tại các đô thị đông dân cư.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm và tác động lan tỏa. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng giao thông kết nối góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, nhất là tại các đô thị trung tâm, đặc khu Lý Sơn. Tăng cường hợp tác công tư (PPP) để đầu tư phát triển một số trung tâm tổ chức sự kiện, triển lãm, hội chợ, hội nghị, hội thảo, trung tâm thể thao có đủ khả năng đăng cai tổ chức các sự kiện có quy mô cấp vùng và cấp quốc gia.

- Đề xuất và áp dụng các biện pháp, chính sách thu hút đầu tư, đặc biệt là ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có thương hiệu lớn để đầu tư các tổ hợp quy mô lớn, chất lượng cao, các phân khúc thị trường có tiềm lực tài chính lớn, khả năng chi trả cao và lưu trú dài ngày.

- Đổi mới công tác xúc tiến, quảng bá và liên kết, hợp tác phát triển du lịch, mở rộng thị trường. Xây dựng Chương trình định vị và phát triển thương hiệu du lịch Quảng Ngãi, định hướng đến năm 2030. Tăng cường liên kết phát triển du lịch với các thành phố lớn (Hà Nội, Hồ Chí Minh), vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Mở rộng hợp tác quốc tế với các tỉnh thuộc Lào, Campuchia, Thái Lan, Philippines, Nhật Bản, Hàn Quốc... Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển du lịch ngắn, trung và dài hạn phù hợp bối cảnh mới.

- Đẩy mạnh ứng dụng du lịch di động, quảng bá qua mạng xã hội, ứng dụng công nghệ số, công nghệ xanh, sạch, bản đồ số và quản lý điểm đến thông minh; tổ chức các chương trình kích cầu du lịch, sự kiện thu hút khách; tổ chức loại hình du lịch khảo sát chuyên biệt dành cho giới chuyên môn (Famtrip, Presstrip) quốc tế quy mô lớn kết nối chuyên gia, nhà báo, nhà sáng tạo nội dung số nổi tiếng. Xây dựng hệ thống dịch vụ thể thao giải trí minh bạch, lành mạnh qua các nền tảng số...

- Nâng cao chất lượng và phát huy tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch (kỹ năng nghề, ngoại ngữ, thái độ phục vụ...) của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn nhằm phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực tại chỗ cho du lịch cộng đồng.

2.2. Dịch vụ y tế

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ Y tế chất lượng cao. Xây dựng, triển khai phương

án phát triển dịch vụ, cơ sở hạ tầng mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đồng bộ, hiện đại. Nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở, y tế dự phòng. Hình thành nền tảng quản trị y tế số toàn ngành. Phát triển các kỹ thuật chuyên sâu tại tuyến tỉnh. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính các cơ sở y tế công lập. Khuyến khích cơ sở y tế công lập hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị và cung cấp dịch vụ y tế phụ trợ tại các bệnh viện công.

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực y tế; khuyến khích xã hội hóa đầu tư các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện chất lượng cao; đầu tư mở rộng các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân; phát triển các dịch vụ y tế kỹ thuật cao, dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Có chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển các loại hình phòng khám, bác sĩ gia đình, trung tâm tư vấn tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Đổi mới đào tạo chuyên môn, giáo dục y đức, quy tắc ứng xử, kỹ năng giao tiếp, tư vấn và thái độ phục vụ người bệnh của đội ngũ y, bác sĩ; nâng cao năng lực quản trị; cải tiến quy trình cung ứng dịch vụ. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong quản lý, phòng bệnh, khám và chữa bệnh. Tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế để chuyển giao kỹ thuật, triển khai phương pháp mới, kỹ thuật chuyên sâu; triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; tăng cường liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động. Chú trọng đào tạo chuyên khoa, bác sĩ đa khoa, điều dưỡng, kỹ thuật viên; tăng cường hợp tác với các trường, viện, bệnh viện tuyến Trung ương trong đào tạo, chuyển giao kỹ thuật về y tế; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên y tế thôn, bản và cô đỡ thôn, bản.

2.3. Dịch vụ giáo dục và đào tạo

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; xây dựng, triển khai phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng mở, đảm bảo quy mô, cơ cấu, hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa...

- Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động.

- Cải tiến cách dạy học ở phổ thông, tạo môi trường học tập chủ động, tăng tính phản biện, tự học. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, kỹ năng sống. Đẩy mạnh học ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai các mô hình giáo dục, đào tạo mới trên Internet, thiết bị di động vào hoạt động quản lý, dạy và học nghề.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật trường học theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục và đào tạo theo lộ trình. Chủ động nâng cấp, đa dạng hóa chương trình đào tạo nghề phục vụ chuyển đổi nghề nghiệp; tăng cường hợp tác áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, công nhân kỹ thuật tay nghề cao đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa giáo dục theo hướng cạnh tranh, hiệu quả, bền vững nhằm tăng kinh phí đầu tư và hỗ trợ, tăng nguồn vốn đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đào tạo. Khuyến khích xây dựng các mô hình liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực. Tiếp tục khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, cơ sở giáo dục tư nhân phát triển. Tăng cường thu hút các nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ của các nhà tài trợ nước ngoài dành cho giáo dục; khuyến khích hình thành các quỹ học bổng, khuyến học, khuyến tài, giúp học sinh, sinh viên nghèo đạt thành tích cao có đủ điều kiện tiếp tục học tập, đào tạo.

- Thúc đẩy hợp tác với các nước có nền giáo dục tiên tiến, chất lượng trên thế giới; tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

2.4. Dịch vụ khoa học - công nghệ; thông tin và truyền thông

- Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế số; tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đổi mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thực hiện chuyển đổi số, tái cấu trúc nâng cao năng lực cạnh tranh. Chú trọng thu hút, phát triển các ngành sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch. Khuyến khích khu vực tư nhân xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ; xây dựng thương hiệu sản phẩm, gắn liền thực hiện đầy đủ quyền sở hữu trí tuệ. Tăng cường hợp tác phát triển khoa học công nghệ giữa các địa phương và quốc tế; kêu gọi sự đóng góp trí tuệ của cộng đồng các nhà khoa học.

- Thực hiện có hiệu quả Kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số quốc gia; các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số toàn diện hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát triển hạ tầng số, cung cấp đa dạng dịch vụ số phục vụ người dân và doanh nghiệp,... gắn với xây dựng dữ liệu số, chuyển đổi số đảm bảo theo quy định; từng bước hình thành hệ sinh thái dịch vụ thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.

- Triển khai lộ trình tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành hạ tầng số.

- Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước. Xây dựng nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo bảo “Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung” phục vụ quản lý, quyết định các định hướng, thực hiện các giải pháp phù hợp phát triển thương mại - dịch vụ dựa trên dữ liệu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên dữ liệu, nền tảng số (*ưu tiên chuyển đổi số tại các chợ truyền thống, khu vực nông thôn, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa*).

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền số. Triển khai các chính sách, giải pháp tạo lập thị trường cho các doanh nghiệp công nghệ số (bao gồm doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo). Thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng, dịch vụ bưu chính công ích.

2.5. Dịch vụ logistics và vận tải

- Tăng cường vai trò quản lý Nhà nước theo hướng tích cực tháo gỡ khó khăn, rào cản, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Tiếp tục xây dựng, rà soát điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa. Lồng ghép quy hoạch vận tải đa phương thức vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành.

- Đẩy mạnh phát triển vận tải đa phương thức trên các hành lang vận tải chính, kết nối với các cảng biển nhằm tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển và giảm chi phí logistics đối với hàng xuất nhập khẩu.

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ; lồng ghép nguồn vốn đầu tư công trung hạn với các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ODA,

vốn vay ưu đãi; tăng cường hợp tác công tư (PPP) để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình hạ tầng trọng điểm ven biển nhằm hình thành các tuyến giao thông kết nối trục ven biển với các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không, điểm du lịch và các đầu mối logistics, các tuyến kết nối đến Khu kinh tế Dung Quất, Cảng biển Dung Quất, Cảng Sa Kỳ, Cảng hàng không Chu Lai, các khu du lịch biển, các đô thị ven biển, trung tâm logistics và tuyến hành lang kết nối Cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế Dung Quất, từng bước hình thành mạng lưới hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng, quốc gia, tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và kinh tế biển theo hướng hiện đại, bền vững; thiết lập mạng lưới trung tâm phân phối nhiều cấp bao gồm kho, bãi hàng hóa, cảng cạn kết nối các tuyến vận tải gom hàng từ vùng kinh tế động lực đến các đô thị lớn. Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng tại Khu kinh tế Dung Quất. Tích cực triển khai thực hiện các dự án có tính động lực, lan tỏa, thúc đẩy ngành dịch vụ logistics và vận tải phát triển mạnh như các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường ven biển...

- Đổi mới công tác xúc tiến, thu hút đầu tư về phát triển dịch vụ logistics, trung tâm logistics phục vụ sản xuất, kinh doanh; đầu tư hệ thống hạ tầng cảng biển, hậu cần cảng, kho bãi.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp vận tải có quy mô lớn, đủ năng lực thực hiện chuỗi vận tải nội địa và quốc tế với giá thành hợp lý.

- Tăng cường kết nối dịch vụ vận tải giữa các phương thức thông qua việc kết nối hoạt động của các doanh nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế, tiếp cận các hiệp định thương mại tự do mới. Đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương với các nước láng giềng Lào, Campuchia, Thái Lan, các nước GMS, ASEAN... để thúc đẩy kết nối phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

- Chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành logistics.

2.6. Dịch vụ tài chính - ngân hàng

- Tăng cường công tác quản lý ngoại hối, vàng trên địa bàn nhằm hạn chế tình trạng vàng hóa, đô la hóa, góp phần ổn định thị trường tiền tệ vĩ mô. Phát triển mạng lưới các tổ chức tín dụng đủ năng lực cạnh tranh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mở rộng cung ứng vốn tín dụng và dịch vụ ngân hàng đối với các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch, thương mại điện tử, xuất nhập khẩu, kinh tế biển, kinh tế số; ưu tiên đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Đẩy nhanh chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính ngân sách, khuyến khích các tổ chức tín dụng phát triển ngân hàng số, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ thanh toán điện tử. Thúc đẩy phát triển dịch vụ ngân hàng gắn với Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi sang mô hình kinh doanh số; đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động thương mại, dịch vụ, y tế, giáo dục và dịch vụ công trên địa bàn, thúc đẩy thanh toán qua mã QR, POS và các phương thức thanh toán hiện đại tại các chợ, trung tâm thương mại, khu du lịch và các điểm kinh doanh trên địa bàn.

- Cải thiện chất lượng, đa dạng hóa nghiệp vụ ngân hàng theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Hoàn thiện, tăng cường kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử của hệ thống ngân hàng với hạ tầng thanh toán của các đơn vị, ngành nghề khác. Đa dạng hóa các kênh cung cấp vốn và các dịch vụ cung ứng cho thị trường.

- Đẩy mạnh việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa các hệ thống ngân hàng, thuế và các cơ quan có liên quan, đảm bảo liên thông, chia sẻ dữ liệu về tình hình hoạt động và tài chính của doanh nghiệp, đánh giá tình hình mức độ tín nhiệm và chấm điểm tín dụng của doanh nghiệp từ phía các tổ chức tín dụng, các quỹ tài chính và các tổ chức xếp hạng tín dụng thứ ba để tăng cường cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh.

- Tăng cường kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận tín dụng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, phòng ngừa và hạn chế rủi ro, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, góp phần giữ vững ổn định thị trường tiền tệ và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thương mại - dịch vụ.

2.7. Dịch vụ phân phối

- Xây dựng và triển khai hiệu quả phương án phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch của tỉnh, đặc biệt là khu vực nông thôn. Hỗ trợ phát triển, nâng cấp các loại hình thương mại phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của tỉnh như cửa hàng miễn thuế, kinh tế đêm, tuyến phố thương mại, trung tâm thương mại - dịch vụ, khu tổ chức sự kiện, hội chợ triển lãm, chuỗi cửa hàng tiện lợi,... phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; từng bước xây dựng kênh phân phối hiện đại tại đô thị, quan tâm khu vực nông thôn, miền núi.

- Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ bắt kịp với các hệ

thống trong nước; tăng khả năng kết nối cung - cầu giữa doanh nghiệp sản xuất, nhà phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để hình thành mô hình dịch vụ đủ năng lực cạnh tranh. Phối hợp xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng nông sản bền vững gắn với truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, thương mại điện tử, phát triển sản phẩm OCOP; tăng cường kết nối sản xuất với tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của nông sản địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động phân phối, truy xuất nguồn hàng vào siêu thị, chợ; trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm, kết nối phát triển thương mại biên giới. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với các nền tảng thương mại điện tử quốc gia, quốc tế. Phối hợp triển khai các chương trình hợp tác quốc tế trong phát triển dịch vụ phân phối.

- Tăng cường liên kết giữa nhà sản xuất với doanh nghiệp bán lẻ tạo nguồn hàng trong nước giá cả cạnh tranh, chất lượng, giảm phụ thuộc nhập khẩu.

2.8. Dịch vụ hỗ trợ khác

- Chủ động, cập nhật thường xuyên các chính sách của Trung ương nhằm hoàn thiện khung pháp lý để phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo mục tiêu của Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

- Đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

- Khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng tài trợ vốn cho các doanh nghiệp tư nhân hoạt động theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

- Hỗ trợ các dịch vụ tư vấn, xúc tiến thương mại để kết nối các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong tỉnh tại khu công nghiệp, khu kinh tế. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mũi nhọn, nền tảng.

- Khuyến khích các hộ kinh doanh sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh để đẩy nhanh việc chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp; triển khai đồng bộ giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hộ gia đình.

- Tăng cường chuyển giao các dịch vụ công trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho các hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân (cấp chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ nghề, dịch vụ xác nhận, cấp phép liên quan tới hoạt động kinh doanh...).

- Công khai danh mục dự án kêu gọi đầu tư, thông tin về quy hoạch, quỹ đất, hạ tầng và các điều kiện cần thiết để nhà đầu tư tiếp cận. Đồng thời, tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc hướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án.

- Cung ứng đồng bộ các dịch vụ sự nghiệp công ích như nông nghiệp, môi trường, văn hóa, thể thao, góp phần xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích và đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; phát triển dịch vụ quan trắc, tư vấn môi trường,...

- Thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh trong sản xuất, kinh doanh và các loại hình dịch vụ môi trường phù hợp với định hướng phát triển bền vững của tỉnh.

* *Chỉ đạo thực hiện:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

* *Cơ quan tham mưu, thực hiện:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

* *Thời gian thực hiện:* Năm 2026 và các năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng ủy xã, phường, đặc khu tổ chức quán triệt, triển khai Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ, tổng kết việc thực hiện.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường giám sát việc thực hiện Kế hoạch này, phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân và doanh nghiệp tham gia phát triển thương mại - dịch vụ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVPTU; PTH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

U Huấn